

Bản án số: 24/2025/HNGĐ- ST

Ngày 08/07/2025

NHÂN DANH

V/v xin ly hôn, nuôi con **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Bà Nguyễn Hồng Cúc

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Trang – Thư ký

Tòa án nhân dân Khu vực 5, tỉnh An Giang.

Trong ngày 08 tháng 07 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân Khu vực 5, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2025/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2025 về vụ kiện: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 460/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 6B, xã T H, huyện C T A, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp 6B, xã T H, Thành phố Cần Thơ).

- Bị Đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H B, xã H L, huyện G R, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp H B, xã H H, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Lê Thị Thu H trình bày: Tôi và anh Lê Quốc T chung sống với nhau vào năm 2023, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H L, huyện G R, tỉnh Kiên Giang vào ngày 26/5/2023. Trước khi chung sống, tôi và anh T có quen biết do mai mối mới đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến tháng 7 năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T khó khăn trong tiền bạc, gia đình chồng khó khăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi lớn tiếng với nhau. Gia đình bên chồng không thương hay chửi bới tôi. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng đã không còn. Do đó vợ chồng không thể hoà giải với nhau và gia đình không hạnh phúc.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/3/2023. Hiện nay cháu T đang chung sống với anh T.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có

Tại phiên tòa chị H yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quốc T.

Về quan hệ con chung: Tôi yêu cầu xin nhận nuôi dưỡng cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/3/2023. Tôi yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

* **Bị đơn anh Lê Quốc T trình bày:** Qua lời trình bày của vợ tôi về ngày, tháng, năm vợ chồng chung sống, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn, vợ chồng có 01 con chung và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Hiện nay tôi vẫn còn thương yêu vợ con, nếu vợ tôi cương quyết xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa anh T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với cô Lê Thị Thu H.

- Về con chung: Tôi không đồng ý giao cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023 cho cô H nuôi dưỡng và tôi không đồng ý cấp dưỡng 2.000.000đ/1tháng cho cháu T. Tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023, tôi không yêu cầu cô H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, chị Lê Thị Thu H và anh Lê Quốc T thuận tình ly hôn. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] **Về quan hệ con chung:** Chị H yêu cầu xin nhận nuôi dưỡng cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023. Xét thấy giao cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Lê Bảo T hiện nay mới chỉ 02 tuổi là bé gái, cháu còn quá nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của người mẹ và được biết hiện nay chị H làm nghề thu mua rơm sau đó bán lại cho các cơ sở trồng hoa tươi, cây kiểng và có thu nhập ổn định. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Lê Bảo T cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu anh Lê Quốc T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu Lê Bảo T đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Hiện nay cho thấy anh T đang làm nghề thu mua rơm sau đó bán lại cho các cơ sở trồng hoa tươi, cây kiểng và có thu nhập ổn định. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy anh T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với thực tế. Vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh Lê Quốc T cấp dưỡng cho cháu Lê Bảo T số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Lê Bảo T đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật, thời gian bắt đầu anh T cấp dưỡng cho cháu Lê Bảo T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét lời yêu cầu của bị đơn anh Lê Quốc T về quan hệ con chung: Anh T không đồng ý giao cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023 cho chị H nuôi dưỡng, anh T yêu cầu xin được nhận nuôi dưỡng cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Do cháu Lê Bảo T là bé gái hiện nay mới chỉ 02 tuổi, cháu còn quá nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Lê Bảo T cho chị H trông nom, chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[6] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:** Do chị H và anh T không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:** chị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013059 ngày 25/03/2025 và biên lai thu số: 14 ngày 23/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – An Giang). Do đó hoàn trả cho chị H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo 02 biên lai thu nói trên.

[8] **Về án phí cấp dưỡng:** áp dụng điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lê Quốc T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Thu H và anh Lê Quốc T thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Bảo T, sinh ngày 26/03/2023 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lê Quốc T cấp dưỡng cho cháu Lê Bảo T số tiền là 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Lê Bảo T đủ 18 tuổi, thời gian bắt đầu anh T cấp dưỡng cho cháu Lê Bảo T kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Thu H nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0013059 ngày 25/03/2025 và biên lai thu số: 14 ngày 23/05/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G R, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – An Giang). Do đó hoàn trả cho chị H số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo 02 biên lai thu nói trên.

4. Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh Lê Quốc T nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định

tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Lê Thị Thu H và anh Lê Quốc T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu Vực 5-An Giang.
- Phòng THADS Khu Vực 5-An Giang
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật